

## SPACE OF MEMORIES AND SOUTHERN VIETNAMESE IDENTITY IN "DAT RUNG PHUONG NAM" BY DOAN GIOI

Nguyen Ngoc Phu  
Dong Thap University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
<b>Received:</b>	<b>14/11/2025</b>	This article focuses on analyzing the spatial memories, nature, dialect, and people of Southern Vietnam in “Dat rung phuong Nam” by Doan Gioi. The research applied the method of textual analysis to grasp and determine the space of memory, nature, dialect and people in the work. The method of comparison and contrast was used to find similarities and differences and the biographical and systematic method to better understand the career and personality of Doan Gioi. Applying the geo-cultural method also revealed the connection between geographical space, culture, and human factors in “Dat rung phuong Nam”. The research results pointed out and affirmed the rich landscape, activities and customs of the Southern residents; the familiar local vocabulary in daily communication and the Southern people possessing their own unique qualities. From there, this study affirms the position and contribution of Doan Gioi in Southern literature (1954-1975) when presenting the land and people of the South to readers nationwide, contributing to shaping the contribution of Vietnamese revolutionary literature.
<b>Revised:</b>	<b>30/12/2025</b>	
<b>Published:</b>	<b>30/12/2025</b>	

### KEYWORDS

Memory space  
Nature, dialect  
Southern people  
“Dat rung phuong Nam”  
Doan Gioi

## KHÔNG GIAN KÝ ỨC VÀ BẢN SẮC NAM BỘ TRONG “ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM” CỦA ĐOÀN GIỎI

Nguyễn Ngọc Phú  
Trường Đại học Đồng Tháp

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b>	<b>14/11/2025</b>	Bài viết tập trung phân tích không gian ký ức, thiên nhiên, thổ ngữ và con người Nam Bộ trong “Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi. Nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích văn bản để nắm bắt, xác định không gian ký ức, thiên nhiên, thổ ngữ và con người trong tác phẩm. Phương pháp so sánh, đối chiếu được sử dụng để tìm ra những tương đồng, khác biệt và phương pháp tiểu sử, hệ thống được dùng để hiểu rõ hơn về sự nghiệp, con người của Đoàn Giỏi. Phương pháp địa - văn hóa cũng được áp dụng để chỉ ra mối liên hệ giữa không gian địa lý, văn hóa và yếu tố con người trong “Đất rừng phương Nam”. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, khẳng định cảnh quan trù phú, sinh hoạt, tập tục của cư dân Nam Bộ; vốn từ địa phương quen thuộc trong giao tiếp đời thường và con người Nam Bộ mang trong mình những phẩm chất đặc trưng. Từ đó bài viết khẳng định vị trí, đóng góp của Đoàn Giỏi trong văn học Nam Bộ (1954-1975) khi thể hiện vùng đất và người phương Nam đến với bạn đọc cả nước, góp phần định hình đóng góp của văn học cách mạng Việt Nam.
<b>Ngày hoàn thiện:</b>	<b>30/12/2025</b>	
<b>Ngày đăng:</b>	<b>30/12/2025</b>	

### TỪ KHÓA

Không gian ký ức  
Thiên nhiên, thổ ngữ  
Con người Nam Bộ  
“Đất rừng phương Nam”  
Đoàn Giỏi

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.14001>

Email: [mpfu@dthu.edu.vn](mailto:mpfu@dthu.edu.vn)

<http://jst.tnu.edu.vn>

361

Email: [jst@tnu.edu.vn](mailto:jst@tnu.edu.vn)

## 1. Giới thiệu

Văn học Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX đặt nền tảng tư tưởng, nghệ thuật [1]-[3], phản ánh sinh động cuộc sống Nam Bộ và đóng góp quan trọng cho văn học dân tộc [4], [5]. Trong văn học hiện đại (1954-1975) [6]-[8], nhà văn Đoàn Giỏi là một trong những gương mặt tiêu biểu. Ông để lại một di sản văn học phong phú, trong đó nhiều tác phẩm được xem như những bức tranh hiện thực sinh động phản ánh đời sống, thiên nhiên, con người và lịch sử của vùng đất phương Nam. Đoàn Giỏi sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở Nam Bộ, điều này tạo nên một nền tảng gắn bó mật thiết giữa ông với thiên nhiên và đời sống lao động vùng đất này. Nguồn gốc xuất thân từ nông thôn giúp ông am hiểu sâu sắc về tập quán, ngôn ngữ, lối sống của người dân Nam Bộ, yếu tố quyết định giá trị hiện thực trong các tác phẩm. Những nghiên cứu của Sơn Nam và Huỳnh Lứa về bối cảnh khai phá, đời sống khắt khe và đặc trưng văn hóa Nam Bộ cũng có thể được dùng làm cơ sở để lý giải chiều sâu hiện thực trong sáng tác của Đoàn Giỏi [9], [10].

Sự nghiệp văn học của Đoàn Giỏi bắt đầu khá sớm, các tác phẩm của ông tập trung phản ánh đời sống xã hội, chiến đấu cách mạng và văn hóa đặc trưng vùng Nam Bộ. Trong giai đoạn đầu, *Cá bóng mú* [11] và *Hoa bằng lăng* [12] cho thấy những đề tài gần gũi, khai thác cảnh quan thiên nhiên, con người bình dị nhưng giàu nghị lực. Một cột mốc quan trọng trong sự nghiệp của Đoàn Giỏi là tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* [13]. Tác phẩm này là một trong những tiểu thuyết nổi bật của văn học Nam Bộ thế kỷ XX. Câu chuyện xoay quanh hành trình lưu lạc và trưởng thành của cậu bé An, qua đó tái hiện một bức tranh rộng lớn về thiên nhiên, con người và cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Bằng bút pháp hiện thực giàu chất tư liệu, Đoàn Giỏi đã tạo ra một văn bản vừa mang tính nghệ thuật vừa mang giá trị văn hóa - lịch sử, được đánh giá là “bản đồ sống” của vùng đất Nam Bộ trong kháng chiến [14]. Về phong cách, Đoàn Giỏi được đánh giá là nhà văn hiện thực, chú trọng đến tính xác thực trong miêu tả. Theo Trần Hữu Tá [15], trong văn học Nam Bộ (1954-1975), Đoàn Giỏi là một trong những cây bút có khả năng dung hòa giữa tính nghệ thuật và tư liệu, tạo nên những tác phẩm vừa có sức hấp dẫn văn chương vừa có yếu tố giáo dục và lịch sử.

Đoàn Giỏi cũng giữ một vị trí quan trọng trong tiến trình văn học cách mạng Việt Nam. Thông qua việc khắc họa những con người cụ thể, ông đã khái quát lên sức mạnh cộng đồng, tinh thần bất khuất của nhân dân Nam Bộ. Đây chính là điểm nối giữa phong cách văn học hiện thực và lý tưởng cách mạng, làm nên giá trị đặc biệt cho các tác phẩm [16]. Các sáng tác của ông giúp khẳng định vị thế của văn học Nam Bộ như một bộ phận quan trọng trong văn học dân tộc [17]. Hoàn cảnh ra đời của *Đất rừng phương Nam* gắn liền với bối cảnh lịch sử Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đoàn Giỏi, vốn sinh trưởng tại Nam Bộ, trực tiếp trải nghiệm chiến tranh và đời sống nơi đây, từ đó hình thành vốn sống và tư liệu để viết *Đất rừng phương Nam*. Theo Trần Hữu Tá [15], nhiều tác phẩm văn học Nam Bộ (1954-1975) đều phản ánh sâu sắc bối cảnh chiến tranh và *Đất rừng phương Nam* là một điển hình của sự kết hợp giữa hiện thực và nghệ thuật [15]. So với các công trình đã công bố chủ yếu thiên về hiện thực kháng chiến hoặc giá trị tư liệu, hướng tiếp cận liên kết bốn lớp không gian của bài báo nhằm mở rộng cách hiểu về cấu trúc nghệ thuật và ý nghĩa địa, văn hóa của tác phẩm. Kết quả nghiên cứu mới của bài báo nằm ở việc xây dựng và vận dụng một mô hình đọc thống nhất gồm bốn bình diện “không gian ký ức - thiên nhiên - thổ ngữ - con người” để giải mã *Đất rừng phương Nam*. Qua đó chỉ ra cơ chế tác phẩm lưu giữ ký ức văn hóa và kiến tạo bản sắc Nam Bộ trong văn học cách mạng. Điểm đóng góp là sự kết nối các lớp không gian vốn thường được nghiên cứu rời rạc trước đây, đồng thời nhấn mạnh vai trò của phương ngữ và hệ sinh thái như “vật mang ký ức” trong tự sự của Đoàn Giỏi; từ đó, khẳng định vị trí của nhà văn Đoàn Giỏi trong nền văn học Nam Bộ.

## 2. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tiếp cận lý thuyết (ký ức học/thi pháp không gian/địa - văn hóa) nhằm vận dụng để đọc địa danh, hệ sinh thái, phong tục, phương ngữ như “vật mang ký ức”. Đầu tiên, bài viết tập trung mô tả và đánh giá các yếu tố của tác phẩm. Bài báo tập trung khảo sát các

tài liệu về bối cảnh Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1975 giúp đối chiếu tính xác thực về thiên nhiên, sinh hoạt và tinh thần kháng chiến của người dân Nam Bộ được Đoàn Giỏi tái hiện. Tiếp theo soi chiếu, chỉ rõ bản sắc Nam Bộ trong *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi. Bài viết sử dụng thao tác phân tích văn bản, đặt tác phẩm trong bối cảnh văn hóa - lịch sử rộng lớn hơn để so sánh, đối chiếu, tìm ra sự tương đồng, khác biệt qua một số sáng tác khác. Từ đó, bài báo chỉ rõ hơn luận điểm nghiên cứu và tìm ra góc nhìn mới gồm bốn bình diện “không gian ký ức - thiên nhiên - thổ ngữ - con người” để giải mã tác phẩm. Qua đó, phân tích chủ đề, tư tưởng nhằm rút ra ý nghĩa việc khắc họa hình tượng con người với những tính cách đặc trưng vùng Nam Bộ. Nguồn tư liệu và phạm vi khảo sát là bản in tác phẩm *Đất rừng phương Nam*. Việc kết hợp phân tích văn bản và khảo sát bối cảnh sẽ giúp bài viết không dừng lại ở việc khẳng định mà còn có cơ sở lý luận vững chắc để chứng minh tầm quan trọng của các yếu tố “không gian ký ức, thiên nhiên, thổ ngữ, con người” trong việc tạo nên giá trị hiện thực và bản sắc Nam Bộ của tác phẩm.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Không gian ký ức: tái hiện bản đồ địa lý, lịch sử và văn hóa

Không gian ký ức là một khái niệm đa nghĩa, có thể hiểu là một không gian vật lý, nghệ thuật được tạo ra để lưu giữ, tái hiện và tôn vinh các kỷ niệm, giá trị văn hóa. Đây một không gian mang tính trừu tượng, nơi các ký ức được hình thành, lưu trữ và gọi lại thông qua các yếu tố văn hóa, nghệ thuật, biểu tượng, như trong văn học để tái hiện cảm thức và bản thể con người. Trong sáng tác của Đoàn Giỏi, không gian ký ức trở thành một phương diện quan trọng để tái hiện bản đồ địa lý, lịch sử và văn hóa vùng đất phương Nam. Trước hết, phương diện địa lý trong không gian ký ức được thể hiện rõ ở sự miêu tả tỉ mỉ các đặc điểm tự nhiên của Nam Bộ. Trong *Đất rừng phương Nam*, nhân vật An đi qua nhiều vùng đất khác nhau, từ rừng tràm U Minh đến các dòng sông lớn, từ kênh rạch chằng chịt đến những miệt vườn trù phú. Những địa danh như Cà Mau, Đồng Tháp Mười, Cửa Lớn,... hiện lên với sự xác thực cao độ. Những tái hiện này không chỉ phản ánh hiện thực đời sống, mà còn lưu giữ và phục dựng ký ức tập thể về một vùng đất đã trải qua nhiều biến cố lịch sử. Bằng việc dựng lại những chi tiết địa lý, những sự kiện lịch sử và những yếu tố văn hóa đặc thù, Đoàn Giỏi đã góp phần kiến tạo một không gian ký ức, nơi độc giả có thể nhìn thấy cả bức tranh toàn cảnh về Nam Bộ trong những năm tháng chiến tranh. Trần Đình Sử khẳng định rằng không gian nghệ thuật trong tác phẩm văn học không chỉ là bối cảnh mà còn là một cấu phần có khả năng phản ánh thế giới quan và ở Đoàn Giỏi, điều này được cụ thể hóa qua những địa danh và hệ sinh thái Nam Bộ [18].

Không gian ký ức cũng được tái hiện thông qua việc ghi lại những biến động lịch sử của vùng đất Nam Bộ. Tác phẩm của Đoàn Giỏi phản ánh bối cảnh kháng chiến chống Pháp, nơi các nhân vật vừa phải đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt vừa tham gia cuộc đấu tranh giành độc lập. Câu chuyện về những người nông dân, du kích, trẻ em mồ côi như An, Võ Tòng, ông Ba Ngụ cho thấy sức mạnh và ý chí của người dân Nam Bộ trong chiến tranh. Trần Hữu Tá [19] đã chỉ ra rằng văn học Nam Bộ giai đoạn này gắn liền với khuynh hướng yêu nước tiến bộ, phản ánh cuộc kháng chiến và các sáng tác của Đoàn Giỏi là một minh chứng tiêu biểu. Một điểm quan trọng khác của không gian ký ức là sự tái hiện văn hóa Nam Bộ qua phong tục tập quán, ngôn ngữ và sinh hoạt cộng đồng. Trong *Đất rừng phương Nam*, Đoàn Giỏi không chỉ chú ý đến cốt truyện và nhân vật mà còn đưa vào nhiều chi tiết về đời sống thường nhật. Những cảnh chợ nổi, những tập quán lao động như đặt trúm, giăng lưới, “ăn ong” ở rừng U Minh, cùng với ẩm thực đặc trưng thể hiện một nền văn hóa vật chất phong phú. Đồng thời, các hình thức văn hóa tinh thần như hò, lý, đờn ca tài tử cũng xuất hiện như một phần gắn bó của đời sống. Những yếu tố này làm cho tác phẩm có tính dân tộc đậm nét, giúp tái hiện ký ức văn hóa của cả một vùng đất [20]. Trong không gian ký ức của Đoàn Giỏi, ký ức chiến tranh và ký ức cộng đồng được đan xen. Tác phẩm không chỉ kể lại hành trình của An mà còn ghi lại số phận của cả một cộng đồng trong chiến tranh. Hình ảnh làng xóm bị tàn phá, những cuộc chiến đấu của du kích, sự hy sinh của người dân thường là ký ức tập thể được tái hiện qua lăng kính văn học. Phạm Văn Sỹ [16] khẳng định rằng văn học giải phóng

Nam Bộ luôn phản ánh sâu sắc hiện thực chiến đấu, tinh thần cách mạng và *Đất rừng phương Nam* là một trong những tác phẩm nổi bật của khuynh hướng này. Không gian ký ức còn được tái hiện qua ngôn ngữ nghệ thuật, Đoàn Giỏi đưa nhiều từ ngữ, cách nói đặc trưng của phương ngữ Nam Bộ vào tác phẩm. Cách xưng hô thân thuộc: *Tía, má, bậu, chú em, lão, di...* tạo nên sự gần gũi, bộc lộ rõ tính cách hào sảng, trọng tình nghĩa của người dân nơi đây. Theo Trần Xuân Ngọc Lan [21], phương ngữ Nam Bộ có những đặc trưng riêng biệt về từ vựng, ngữ âm và phong cách, phản ánh bản sắc vùng miền. Sự bộc trực và thẳng thắn của nhân vật bày tỏ thái độ yêu, ghét, căm thù một cách rõ ràng, không vòng vo. Hào sảng và hóm hỉnh trong đối thoại thường đi kèm với những cử chỉ phóng khoáng. Cảnh lão Ba Ngủ rót rượu và trò chuyện cho thấy một phong thái nghệ sĩ, tự tại ngay cả trong khó khăn. Việc sử dụng ngôn ngữ này trong tác phẩm văn học không chỉ làm tăng tính xác thực mà còn góp phần lưu giữ ký ức ngôn ngữ của cộng đồng.

Về phương diện nghệ thuật, việc tái hiện không gian ký ức trong *Đất rừng phương Nam* còn cho thấy khả năng dung hòa giữa hiện thực và hư cấu. Dù nhiều chi tiết có tính chất hư cấu để phục vụ cốt truyện, nhưng nhìn chung, toàn bộ bức tranh về Nam Bộ trong tác phẩm đều dựa trên những yếu tố hiện thực xác thực. Không gian ký ức trong tác phẩm của Đoàn Giỏi vì thế có ý nghĩa lớn trong việc bảo tồn và truyền tải di sản văn hóa, lịch sử của Nam Bộ đến các thế hệ sau. Nó giúp độc giả không chỉ hình dung được quá khứ mà còn hiểu được những giá trị cốt lõi của con người Nam Bộ: tinh thần kiên cường, sự thực tế, lòng đoàn kết và khả năng thích ứng với hoàn cảnh. Như Huỳnh Công Tín [20] phân tích, những phẩm chất đó chính là cốt lõi của bản sắc Nam Bộ và văn học của Đoàn Giỏi là minh chứng cụ thể cho sự kết tinh này. *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi đã tạo dựng một không gian ký ức toàn diện, trong đó bản đồ địa lý, lịch sử và văn hóa của Nam Bộ được tái hiện rõ nét. Đó là sự kết hợp giữa ký ức cá nhân của tác giả và ký ức cộng đồng của cả một vùng đất, góp phần khẳng định vị trí của văn học Nam Bộ trong tiến trình văn học dân tộc hiện đại.

### 3.2. Bức tranh thiên nhiên trù phú, hoang sơ và đầy bí ẩn

Trong *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi, thiên nhiên không chỉ đóng vai trò là bối cảnh mà còn trở thành một nhân tố quan trọng, định hình nội dung, nhân vật và cảm hứng nghệ thuật. Trước hết, sự trù phú của thiên nhiên Nam Bộ được thể hiện qua hình ảnh sông ngòi, kênh rạch, đồng ruộng và hệ sinh thái phong phú: “Rừng đước, rừng tràm bạt ngàn, hoang sơ, nơi sinh sống của nhiều loài động vật hoang dã”; “những con rạch, con sông hiền hòa, chẳng chịt như mạng nhện, là đường đi, nguồn sống, gắn liền với sinh hoạt của người dân”... Thiên nhiên hiện lên vừa trù phú với sự đa dạng sinh học, vừa hoang sơ với những rừng rậm, sông nước mênh mông, đồng thời cũng đầy bí ẩn. Các loài động vật như cá sấu, khỉ, ong và thực vật như tràm, đước,... không chỉ tạo màu sắc thiên nhiên mà còn phản ánh hệ sinh thái đặc trưng [13]. Người dân Nam Bộ trong tác phẩm của Đoàn Giỏi vừa thích ứng vừa cải tạo thiên nhiên để sinh tồn. Việc trồng lúa nổi ở Đồng Tháp Mười, hay khai thác sản vật từ rừng U Minh là minh chứng cho trí tuệ bản địa. Cách miêu tả thiên nhiên của Đoàn Giỏi là một trong những minh chứng cho khả năng kết hợp hiện thực với tư duy nghệ thuật để xây dựng một bức tranh sinh động về đất và người phương Nam.

Nhân vật An trên hành trình lưu lạc đã đi qua nhiều vùng đất khác nhau và mỗi nơi đều mở ra trước mắt độc giả một cảnh quan đa dạng, phản ánh tiềm năng to lớn của miền đất này [13]. Thiên nhiên được miêu tả như một nguồn sống dồi dào, cung cấp lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho con người. Cá, tôm, cua, ếch, lươn từ sông ngòi, cùng các loài rau dại như bông súng, điên điển đã làm nên một nền ẩm thực phong phú. Như Huỳnh Công Tín [20] nhận định, văn hóa Nam Bộ nói chung hình thành trên cơ sở sự phong phú của tài nguyên thiên nhiên và điều này phản ánh rõ trong tác phẩm của Đoàn Giỏi. Sự hoang sơ của thiên nhiên Nam Bộ lại được thể hiện qua những khu rừng rộng lớn, những vùng đất ngập nước mênh mông, nơi mà sự hiện diện của con người còn hạn chế. Rừng U Minh trong *Đất rừng phương Nam* là một ví dụ điển hình. Đây là vùng rừng có hệ sinh thái đặc biệt, vừa là nơi cư trú của nhiều loài động vật hoang dã, vừa là nơi gắn bó mật thiết với người dân qua nghề “ăn ong”, săn bắt, hái lượm. Những

mô tả chi tiết về các loài vật như cá sấu, rắn, cùng với cảnh rừng trầm bạt ngàn cho thấy tính hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên. Đoàn Giỏi, bằng vốn sống và trải nghiệm, đã đưa yếu tố đó vào tác phẩm một cách sinh động và chân thực. Bên cạnh sự trù phú và hoang sơ, thiên nhiên Nam Bộ còn được miêu tả như một không gian đầy bí ẩn. Trong *Đất rừng phương Nam*, hành trình của An nhiều lần gặp nguy hiểm từ thiên nhiên: đối mặt với cá sấu, lạc trong rừng, phải vượt qua những khúc sông dữ. Những chi tiết này phản ánh sự bất trắc mà môi trường tự nhiên mang lại. Theo Huỳnh Lứa [10], quá trình khai phá Nam Bộ là một quá trình con người liên tục phải đối mặt và thích ứng với thiên nhiên đầy thử thách và điều này được phản ánh rõ qua hình ảnh bí ẩn của thiên nhiên trong văn học.

Thiên nhiên trong tác phẩm của Đoàn Giỏi cũng gắn liền với ký ức văn hóa và lịch sử. Các địa danh, cảnh quan không chỉ là nơi sinh sống mà còn là biểu tượng cho quá trình kháng chiến, đấu tranh của nhân dân Nam Bộ. Căn cứ U Minh, Đồng Tháp Mười trong tiểu thuyết không chỉ là không gian thiên nhiên mà còn là hậu phương vững chắc cho lực lượng cách mạng. Điều này làm cho thiên nhiên mang thêm một tầng ý nghĩa lịch sử, trở thành một phần trong ký ức tập thể của cộng đồng. Trần Hữu Tá [19] nhấn mạnh rằng không gian địa lý Nam Bộ trong văn học giai đoạn này luôn gắn với ý nghĩa cách mạng và *Đất rừng phương Nam* là một tác phẩm đại diện cho khuynh hướng đó. Không gian thiên nhiên còn thể hiện sự tương tác biện chứng giữa con người và môi trường. Việc khai thác sản vật tự nhiên, canh tác lúa nước theo mùa, xây dựng nhà sàn, sử dụng xuồng ba lá làm phương tiện di chuyển đều phản ánh sự gắn bó và thích ứng. Sơn Nam [22] đã nhấn mạnh rằng sự thích ứng linh hoạt với môi trường sông nước chính là một đặc trưng văn hóa quan trọng. Trong tác phẩm của Đoàn Giỏi, chi tiết những ngôi nhà sàn, những chiếc xuồng len lỏi khắp kênh rạch đã khắc họa sự hiện diện không thể tách rời của thiên nhiên trong đời sống cộng đồng. Ở góc độ nghệ thuật, thiên nhiên trong *Đất rừng phương Nam* còn là yếu tố tham gia trực tiếp vào việc phát triển cốt truyện và khắc họa tính cách nhân vật. Nhân vật An trưởng thành qua từng thử thách gắn với không gian thiên nhiên: từ việc học cách vượt sông, sống trong rừng, đến việc đối mặt với thú dữ. Nhân vật Võ Tòng được khắc họa như con người gắn liền với núi rừng, mang sức mạnh và sự tự do của thiên nhiên hoang dã. Không gian thiên nhiên Nam Bộ trong tác phẩm của Đoàn Giỏi cũng mang tính biểu trưng cho sức sống mãnh liệt của vùng đất và con người. Những cánh đồng lúa, miệt vườn, rừng ngập mặn không chỉ có giá trị kinh tế mà còn phản ánh tiềm lực và sức sống của cộng đồng. Sự phong phú và đa dạng sinh học là cơ sở để hình thành một nền văn hóa vật chất phong phú, với ẩm thực, trang phục, nhà ở đặc trưng [20]. Như vậy, bức tranh thiên nhiên không chỉ có ý nghĩa thẩm mỹ mà còn là nền tảng để lý giải văn hóa, lịch sử và bản sắc vùng miền. Bức tranh thiên nhiên Nam Bộ trong sáng tác của Đoàn Giỏi hiện lên với ba đặc điểm cơ bản: sự trù phú, sự hoang sơ và sự bí ẩn. Thiên nhiên vừa là nguồn sống, vừa là thử thách, vừa là không gian lưu giữ ký ức lịch sử và văn hóa.

### 3.3. Dấu ấn thổ ngữ và lời ăn tiếng nói Nam Bộ trong tác phẩm

Trong *Đất rừng phương Nam*, Đoàn Giỏi đã vận dụng thổ ngữ Nam Bộ và lời ăn tiếng nói của cư dân miền sông nước để tái hiện đời sống một cách gần gũi, chân thực. Dấu ấn thổ ngữ không chỉ thể hiện ở vốn từ vựng địa phương: “Tôm cá thì đủ thứ, thiếu gì! Tôm càng xanh bằng cuồn tay, tép bạc lưới về, đồ đông như đồng lúa cả trăm gạ”. Cấu trúc câu quen thuộc trong giao tiếp đời thường ở nhịp điệu, ngữ điệu, cách xưng hô, gọi tên sự vật, con người mang đặc trưng miền Tây như “thằng Bảy Chơn”, “cô Tư”,... cùng các món ăn dân dã, dụng cụ sông nước, tạo nên màu sắc địa phương chân thực, gần gũi với văn hóa vùng đất này. Việc sử dụng thổ ngữ giúp cho nhân vật có giọng nói riêng, đồng thời phản ánh đặc trưng văn hóa vùng miền. Chính ngôn ngữ ấy đã góp phần tạo nên hiện thực, nghệ thuật và chiều sâu văn hóa của tác phẩm. Thổ ngữ Nam Bộ có hệ thống từ vựng riêng biệt, hình thành từ quá trình thích ứng với môi trường sống và giao thoa văn hóa. Người dân Nam Bộ sử dụng nhiều từ ngữ phản ánh đặc điểm của địa hình, thủy văn, thổ nhưỡng và sản vật địa phương. Họ phân biệt *rạch*, *kênh*, *lung*, *bàu*, *giồng* để chỉ các dạng địa hình sông nước khác nhau. Họ dùng từ cá linh, cá lóc, cá rô, cá trê, bông điên điển, bông

súng, rau đắng để chỉ những loài cá, rau đặc trưng. Trong *Đất rừng phương Nam*, Đoàn Giỏi đã tái hiện chi tiết những tên gọi này, làm cho bức tranh thiên nhiên và đời sống hiện lên cụ thể, sinh động. Việc đưa những từ ngữ quen thuộc của người dân Nam Bộ vào tác phẩm giúp người đọc cảm nhận được không khí của vùng đất, đồng thời xác lập không gian văn hóa rõ rệt [13]. Ngoài vốn từ vựng, đặc điểm nổi bật của thổ ngữ Nam Bộ là cách phát âm và cấu trúc câu mang tính chất khẩu ngữ. Người dân thường nói ngắn gọn, trực tiếp, ít sử dụng những kết cấu cầu kỳ. Các câu nói thường mang tính chất đối đáp, ứng khẩu, vừa tự nhiên vừa thể hiện sự hóm hỉnh. Sơn Nam [22] cho rằng thói quen nói năng của người Nam Bộ phản ánh tính cách thực tế, giản dị, thẳng thắn của cư dân khẩn hoang. Đoàn Giỏi đã vận dụng triệt để đặc điểm này để xây dựng lời thoại nhân vật. Nhân vật Võ Tòng, những người nông dân trong truyện đều nói bằng giọng Nam Bộ mộc mạc, ngắn gọn. Qua lời ăn tiếng nói, nhân vật không chỉ được khắc họa tính cách mà còn mang theo âm hưởng của cả một vùng đất. Cách xưng hô trong thổ ngữ Nam Bộ cũng để lại dấu ấn đậm nét trong tác phẩm. Người Nam Bộ thường dùng má, tía, cậu, dì, chú, thím, anh Hai, chị Ba... để gọi người thân trong gia đình và cộng đồng. Hệ thống xưng hô này vừa phản ánh quan hệ huyết thống, vừa thể hiện sự gắn bó cộng đồng. Trong *Đất rừng phương Nam*, nhân vật An xưng “con” với những người lớn tuổi mà em gặp, dù không phải ruột thịt, còn gọi những người đàn ông lớn tuổi là “chú”, “cậu”. Cách xưng hô này tạo nên cảm giác thân tình, phản ánh rõ nét tinh thần cộng đồng Nam Bộ [20]. Đây cũng là một yếu tố quan trọng cho thấy ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp, mà còn là phương tiện thể hiện quan hệ xã hội và yếu tố văn hóa.

Một phương diện khác của thổ ngữ Nam Bộ là sự phong phú trong cách ví von, chêm xen các yếu tố khẩu ngữ. Người Nam Bộ có thói quen dùng từ láy, từ tượng thanh, tượng hình để tăng cường sắc thái biểu cảm. Trong các tác phẩm, Đoàn Giỏi để nhân vật sử dụng những từ như “lục cục”, “lóp ngóp”, “xào xạc”, “leng keng”, vừa gợi hình, vừa gợi âm. Đây là đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ dân gian được đưa vào văn học viết. Việc sử dụng thổ ngữ còn gắn liền với văn hóa ứng xử và hệ giá trị của người Nam Bộ. Trong nhiều trường hợp, nhân vật dùng lời ăn tiếng nói để bộc lộ thái độ trọng nghĩa, trọng tình, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ. Những câu nói “ăn cơm chưa”, “ghé nhà chơi”, “ăn miếng đi” thường xuyên xuất hiện, thể hiện sự hiếu khách và quan niệm coi trọng tình nghĩa. Đoàn Giỏi cũng chú ý đến việc tái hiện giọng điệu khác nhau giữa các tầng lớp xã hội. Người nông dân, người du kích thường dùng giọng mộc mạc, ngắn gọn, nhiều từ địa phương. Ngược lại, những kẻ phản bội, tay sai thường được khắc họa với cách nói lơ lớ, vòng vo. Sự khác biệt này không chỉ làm nổi bật tính cách nhân vật, mà còn cho thấy ngôn ngữ có chức năng phân loại xã hội. Một điểm đáng chú ý là sự kết hợp giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ dân gian. Các yếu tố thổ ngữ vận dụng vừa đủ, tạo ra màu sắc địa phương nhưng vẫn giữ sự mạch lạc của ngôn ngữ văn chương. Đây là một phương pháp sáng tạo quan trọng, giúp cho tác phẩm vừa chân thực vừa có giá trị thẩm mỹ. Hoàng Ngọc Hiến cho rằng phương pháp luận nghiên cứu văn học cần nhìn nhận thổ ngữ không phải là sự phá vỡ chuẩn mực, mà là sự bổ sung, làm phong phú ngôn ngữ văn học dân tộc [23]. Bên cạnh lời thoại, thổ ngữ Nam Bộ còn xuất hiện trong giọng kể của người trần thuật. Giọng kể của Đoàn Giỏi có sự gần gũi, đôi khi pha chút khẩu ngữ, tạo cảm giác như người kể chuyện trực tiếp đối thoại với độc giả. Lối viết này làm cho tác phẩm dễ tiếp nhận, đồng thời mang đậm tính địa phương. Cao Xuân Mỹ [24] cũng đã chỉ ra rằng nhiều nhà văn Nam Bộ đã vận dụng giọng kể gần với ngôn ngữ đời thường, phản ánh hiện thực một cách tự nhiên. Sự hiện diện của thổ ngữ và lời ăn tiếng nói Nam Bộ trong tác phẩm cũng phản ánh một quan niệm nghệ thuật về con người. Nhân vật trong *Đất rừng phương Nam* không phải là những hình tượng xa lạ, mà là những người nông dân, người du kích, người dân trong đời sống hàng ngày. Họ nói bằng chính ngôn ngữ của mình, không bị áp đặt bởi những chuẩn mực ngôn ngữ xa rời hiện thực. Nhờ vậy, tác phẩm mang tính thuyết phục cao, phản ánh đúng tinh thần của văn học hiện thực Nam Bộ giai đoạn 1954-1975 [16].

### **3.4. Hình tượng con người Nam Bộ chất phác, kiên cường và giàu tình nghĩa**

Trong tiến trình văn học Nam Bộ (1954-1975), hình tượng con người là trung tâm phản ánh hiện thực xã hội và là biểu tượng của bản sắc văn hóa vùng miền. Sự chất phác của con người

Nam Bộ trước hết được biểu hiện trong cách họ sinh hoạt, lao động và ứng xử hàng ngày. Nhân vật trong *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi được khắc họa là những người nông dân, ngư dân, thợ rừng gắn bó với sông nước, sống giản dị, không cầu kỳ. An, nhân vật chính, trên hành trình lưu lạc đã gặp gỡ nhiều con người bình dân: người chèo đò, người làm rẫy, người săn bắt trong rừng. Những nhân vật này được miêu tả bằng ngôn ngữ gần gũi, hành động trực tiếp, thể hiện một lối sống thực tế, ít chịu ảnh hưởng của lễ giáo phong kiến [13]. An có sự ngỡ ngàng của một đứa trẻ thành thị bị đẩy vào cuộc phiêu lưu. An đi từ sự ngạc nhiên trước vẻ đẹp thiên nhiên đến sự thấu hiểu nỗi vất vả và khí phách của người dân quê. Theo tía nuôi đi gác kèo ong, An quan sát tỉ mỉ cách tía làm kèo, lắng nghe tiếng ong bay và tự rút ra những bài học về thiên nhiên. Lão Ba Ngụ là một nhân vật độc đáo, già vờ say xin để che mắt kẻ thù và giữ cho mình một tâm hồn tự do. Đằng sau vẻ ngoài kỳ quặc là một trái tim nồng cháy tình yêu quê hương và sự căm ghét bọn thực dân. Lão đàn cho An và mọi người nghe với những bản nhạc mang âm hưởng bi hùng, thể hiện chiều sâu tâm hồn và nỗi niềm về thời cuộc.

Phẩm chất kiên cường của con người Nam Bộ gắn chặt với bối cảnh lịch sử kháng chiến. Anh Đức với *Hòn Đất* [25], Nguyễn Quang Sáng với nhiều truyện ngắn về chiến tranh, hay Đoàn Giỏi với *Đất rừng phương Nam* đều khắc họa những nhân vật có tinh thần bất khuất, dám hy sinh vì lý tưởng. Trong *Hòn Đất*, chị Sứ là hình tượng của sự kiên cường, dám đối mặt với tra tấn, cái chết để bảo vệ cách mạng [25]. Tinh thần đó không chỉ phản ánh phẩm chất cá nhân mà còn đại diện cho truyền thống đấu tranh của cả cộng đồng Nam Bộ. Trong *Đất rừng phương Nam*, nhân vật Võ Tòng mang trong mình nỗi đau quá khứ (vợ con mất, đi tù oan) nhưng không trở nên hận đời. Ngược lại, chú dòn hết tình cảm vào việc giúp đỡ đồng bào và sự lạc quan, tự tại, sẵn sàng che chở cho An như em ruột, cùng nhau vượt qua khó khăn, thể hiện tinh thần nghĩa hiệp, gắn bó. Những người dân trong rừng U Minh sẵn sàng chia sẻ miếng cơm, bát nước, giúp đỡ nhau trong cuộc sống đầy gian khổ [13]. Sơn Nam [22] cũng nhấn mạnh rằng “tình nghĩa” là một giá trị cốt lõi trong ứng xử, được hình thành từ bối cảnh khốn hoang và đấu tranh sinh tồn, khi mỗi cá nhân phải nương tựa vào cộng đồng để vượt qua thử thách. Một yếu tố quan trọng làm nên tính cách chất phác, kiên cường và giàu tình nghĩa của con người Nam Bộ là môi trường tự nhiên và xã hội đặc thù. Quá trình khẩn hoang đã tạo ra một lớp cư dân mới, thoát khỏi cấu trúc làng xã phong kiến khắt khe của miền Bắc. Họ phải dựa vào lao động cần cù, ý chí sinh tồn và sự đoàn kết để xây dựng cuộc sống mới. Văn học Nam Bộ, với các tác phẩm như của Sơn Nam, Đoàn Giỏi, đã phản ánh chính xác bối cảnh này qua nhân vật và tình huống cụ thể. Bên cạnh đó, ngôn ngữ Nam Bộ trong văn học cũng góp phần làm nổi bật hình tượng con người chất phác và tình nghĩa. Nhân vật trong truyện của Nguyễn Quang Sáng, Sơn Nam hay Đoàn Giỏi thường xưng hô giản dị, thể hiện sự bình đẳng, thân tình làm cho hình tượng con người trở nên gần gũi, chân thực và mang đậm bản sắc địa phương.

Trong các tác phẩm viết về chiến tranh, hình tượng con người Nam Bộ càng trở nên nổi bật với phẩm chất kiên cường và tinh thần hy sinh. Đoàn Giỏi tả cảnh chú Võ Tòng dùng nỏ bắn chết tên Việt gian và tên đồn trưởng Pháp thể hiện sự mưu trí, bình tĩnh. Dù bị giặc sát hại, cái chết của chú vẫn toát lên vẻ hiên ngang, bất khuất. *Hòn Đất* của Anh Đức xây dựng hình tượng chị Sứ như biểu tượng của sự bất khuất. Nguyễn Quang Sáng cũng khắc họa những nhân vật sẵn sàng hy sinh để bảo vệ quê hương. Sơn Nam trong *Người Sài Gòn* [26], *Hương rừng Cà Mau* [27], đã phản ánh đời sống dân dã, trong đó tình làng nghĩa xóm, sự gắn bó cộng đồng là sợi dây cổ kết quan trọng. Những chi tiết về sự chia sẻ trong lao động, sự giúp đỡ nhau khi hoạn nạn thể hiện rõ đặc trưng văn hóa “nghĩa tình” của người Nam Bộ. Các nhà nghiên cứu như Huỳnh Công Tín [20], Sơn Nam [22], Trần Hữu Tá [15] đều thống nhất rằng hình tượng con người Nam Bộ trong văn học phản ánh đúng thực tiễn xã hội và bối cảnh văn hóa. Sự chất phác xuất phát từ lối sống giản dị, kiên cường từ truyền thống đấu tranh và nghĩa tình từ bối cảnh cộng đồng khốn hoang. Hình tượng con người Nam Bộ trong văn học giai đoạn 1954-1975 hiện lên với ba phẩm chất cơ bản: chất phác, kiên cường và giàu tình nghĩa. Các tác phẩm của Đoàn Giỏi, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Sơn Nam và nhiều nhà văn khác đã khắc họa hình tượng này qua những nhân vật cụ

thể, gắn với bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa đặc thù. Đây là một đóng góp quan trọng của văn học Nam Bộ vào tiến trình chung của văn học Việt Nam, đồng thời khẳng định sự bền vững của hình tượng con người trong nghệ thuật.

#### 4. Kết luận

Tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi được xem như bức tranh toàn cảnh về “không gian ký ức - thiên nhiên - thổ ngữ - con người” vùng đất Nam Bộ trong giai đoạn kháng Pháp. Bài viết chỉ ra không gian ký ức tái hiện bản đồ địa lý, lịch sử và văn hóa phong phú mà còn cảm nhận được hơi thở của thiên nhiên trù phú hoang sơ qua những miêu tả đầy chất thơ và sử thi. Đồng thời, cách khắc họa đầy thi vị, góp phần tô đậm thêm tư tưởng của tác phẩm. Sự hiện diện của thổ ngữ và lời ăn tiếng nói Nam Bộ đã thổi hồn vào các trang văn, giúp độc giả hòa mình vào đời sống sinh hoạt chân thực. Tác phẩm còn là lời khẳng định về đẹp của ngôn ngữ và bản sắc Nam Bộ, những phong tục tập quán đã góp phần tạo nên một bức tranh văn hóa sống động, đầy sức sống. Đặc biệt, việc xây dựng hình tượng con người Nam Bộ chất phác, kiên cường, giàu tình nghĩa đã trở thành biểu tượng cho tinh thần hào sảng, nghĩa khí của cư dân vùng đất mới. Chính sự xây dựng và vận dụng một mô hình thống nhất bốn bình diện “không gian ký ức - thiên nhiên - thổ ngữ - con người” được giải mã trong *Đất rừng phương Nam* để chỉ ra cơ chế lưu giữ ký ức văn hóa và kiến tạo bản sắc Nam Bộ trong văn học cách mạng. Từ đó, khẳng định vị trí của *Đất rừng phương Nam* như một áng văn ngợi ca hồn cốt, khí phách của vùng đất Nam Bộ. Vì vậy, Đoàn Giỏi là một trong những nhà văn có khả năng đưa hình ảnh vùng đất và con người Nam Bộ đến với bạn đọc cả nước, góp phần gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo và định hình diện mạo văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954-1975.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] V. T. Tran, *Dictionary of Authors and Literary Works in Southern Vietnamese National Language (from the Late 19th Century to the Early 20th Century)*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, Vietnam Academy of Social Sciences, 2023, pp. 01-661.
- [2] M. T. G. La, *Southern Vietnamese Folk Songs and Proverbs in the Late 19th and Early 20th Centuries*. Ho Chi Minh City: Vietnam National University Publishing House, 2022, pp. 01-215.
- [3] K. C. Nguyen, “National consciousness in patriotic Southern Vietnamese literature in the late nineteenth century,” *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, vol. 22, no. 2, pp. 363-374, 2025, doi: 10.54607/hcmue.js.22.2.4559(2025).
- [4] N. P. Nguyen and T. H. Vu, “Artistic Techniques for Portraying ‘Loyal Righteousness’ in Selected Southern Confucian Writings of the Late Nineteenth Century,” *Teaching and Learning Today Journal*, no. 2, pp. 95-97, 2021.
- [5] N. A. Tran, “Southern culture in Buu Son Ky Huong by Ly Lan,” *Van Hien University Science Journal*, vol. 9, no. 2, pp. 12-24, 2023.
- [6] D. K. Tran, “Southwestern cultural personality through Son Nam's Ca Mau Forest Fragrance,” *Thu Dau Mot University Science Journal*, vol. 1, no. 50, pp. 107-118, 2021.
- [7] T. P. N. Nguyen and T. H. H. Nguyen, “The imprint of the Mekong Delta's rivers in the works of Nguyen Ngoc Tu,” *Can Tho University Science Journal*, vol. 58, no. 6C, pp. 192-199, 2022.
- [8] B. L. Nguyen and P. N. Pham, “Southwestern river culture in Nguyen Ngoc Tu's works,” *Cuu Long University Journal of Science*, no. 36, pp. 3-9, 2024.
- [9] N. Son, *History of land reclamation in the South* (Reprint). Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, 2007.
- [10] L. Huynh, *History of the Exploration of the Southern Land*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House, (in Vietnamese), 1987.
- [11] G. Doan, *Grouper*. Ho Chi Minh City: Literature Publishing House, 1961.
- [12] G. Doan, *Polyscias fruticosa flowers*. Ho Chi Minh City: Literature Publishing House, 1962.
- [13] G. Doan, *Southern forest land*. Hanoi: Literature Publishing House, 1998.
- [14] V. T. Bui and T. N. H. Nguyen, *Anh Duc about the author and his works*. Hanoi: Education Publishing House, 2006.
- [15] H. T. Tran, *Looking Back on a Literary Journey*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House, (in Vietnamese), 2000.

- 
- [16] V. S. Pham, *Literature of the Liberation of Southern Vietnam 1954-1970*. Hanoi: University and Professional High School Publishing House, (in Vietnamese), 1975.
- [17] T. Q. Vu, *Literary Criticism and Commentary: Anh Duc, Nguyen Quang Sang, Son Nam* (Reprint with additions). Ho Chi Minh City: Literature and Arts Publishing House, (in Vietnamese), 1998.
- [18] D. S. Tran, *Introductory Textbook of Poetics*. Hanoi: Education Publishing House, 1999.
- [19] H. T. Tran, "Patriotic and Progressive Literary Trends in Southern Cities during the 1954-1975 Period," (in Vietnamese), Ph.D. dissertation, Hanoi Pedagogical University, 1994.
- [20] C. T. Huynh, *Perceiving the Identity of Southern Vietnam*. Hanoi: Culture and Information Publishing House, (in Vietnamese), 2006.
- [21] X. N. L. Tran, *The Southern Dialect*. Hanoi: Social Sciences Publishing House, (in Vietnamese), 1995.
- [22] N. Son, *Speaking of the South; The Southern Personality; The Fine Customs and Traditions of Vietnam*. Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, (in Vietnamese), 2007.
- [23] N. H. Hoang, *Literary research methodology*. Hue: Thuan Hoa Publishing House, 1999.
- [24] X. M. Cao, *Southern prose in the first half of the 20th century*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Literature Publishing House; Center for National Studies, 1999.
- [25] D. Anh, *Hon Dat*. Hanoi: Education Publishing House, 1978.
- [26] N. Son, *The People of Saigon*. Saigon: La Boi Publishing House, (in Vietnamese), 1970.
- [27] N. Son, *The Scent of Ca Mau Forest*. Ho Chi Minh City: Tre Publishing House, (in Vietnamese), 2003.